

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày

tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch đầu tư và xây dựng
vốn ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách
nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước
năm 2021;*

*Căn cứ Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04 tháng 8 năm 2020 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Căn cứ Văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà
nước năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Kế hoạch đầu tư và xây dựng vốn*

ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 177/BC-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư và xây dựng vốn ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan gồm các nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo nguyên tắc đầu tư hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, ổn định đời sống nhân dân.

b) Đầu tư các công trình thực hiện các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra: Bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn; kiên cố hóa kênh mương; xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện lập quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Các công trình được bố trí vốn phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư xây dựng của tỉnh:

- Ưu tiên bố trí đủ 100% vốn cho các công trình được phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn thanh toán.

- Công trình hoàn thành đến ngày 31/12/2020 chưa bố trí đủ vốn, bố trí vốn để thanh hết toán khối lượng hoàn thành; bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các quyết định được phê duyệt.

- Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2021 bố trí đủ vốn để hoàn thành theo quyết định phê duyệt.

- Công trình, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021, công trình khởi công mới năm 2021, công trình chuẩn bị đầu tư bố trí vốn theo quy định.

d) Vốn phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý, sử dụng (*vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước; vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*): Khi phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; trong đó:

- Vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Tập trung làm đường thôn và đường giao thông nội đồng (*theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: UBND các huyện, thành phố (trừ huyện Na Hang, Lâm Bình) tập trung đầu tư Trụ sở làm việc UBND xã, phường, thị trấn.

2. Phương án phân bổ và giao Kế hoạch đầu tư và xây dựng vốn ngân sách địa phương năm 2021

a) Tổng số vốn trung ương dự kiến giao: 843.300 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 530.200 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 270.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 21.100 triệu đồng.

b) Tổng vốn địa phương phân bổ: 1.091.495 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 530.200 triệu đồng.
 - Đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 240.600 triệu đồng (*Tổng số thu tiền sử dụng đất: 401.000 triệu đồng, trong đó: Trích lập quỹ phát triển đất: 120.300 triệu đồng; chi cho công tác đo đạc lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 40.100 triệu đồng; chi đầu tư: 240.600 triệu đồng*).

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 21.100 triệu đồng.
- Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư: 277.595 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo)

3. Phân bổ vốn: 1.091.495 triệu đồng.

Trong đó:

a) Vốn phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý, sử dụng: 278.100 triệu đồng, gồm:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 37.500 triệu đồng (*các huyện, thành phố phân bổ làm đường thôn và đường nội đồng theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

- Đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 240.600 triệu đồng.

b) Chi trả nợ gốc: 7.483 triệu đồng.

c) Kiên cố hóa kênh mương (*theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh*): 50.000 triệu đồng.

d) Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025: 91.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Cầu trên đường giao thông nông thôn: 70.000 triệu đồng.
- Đường thôn và đường nội đồng: 21.000 triệu đồng.

đ) Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng dự kiến đến ngày 31/12/2020 chưa bố trí đủ vốn (26 công trình): 55.152,644 triệu đồng, gồm:

- Công trình đã được phê duyệt quyết toán (17 công trình): 10.170,101 triệu đồng.
- Công trình chưa phê duyệt quyết toán (08 công trình): 14.982,543 triệu đồng.

- Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang theo quyết định số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007: 30.000 triệu đồng.

e) Công trình bố trí vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách cấp tỉnh (02 công trình): 10.000 triệu đồng;

g) Công trình chuyển tiếp (39 công trình): 324.000 triệu đồng, gồm:

- Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2021 (19 công trình): 95.300 triệu đồng.

- Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2021 (20 công trình): 228.700 triệu đồng.

h) Công trình khởi công mới năm 2021 (52 công trình): 251.459,356 triệu đồng.

i) Công trình chuẩn bị đầu tư bố trí vốn (07/42 công trình): 1.000 triệu đồng.

k) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2.200 triệu đồng (*bố trí 10% vốn Xổ số Kiến thiết theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021*).

l) Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 21.100 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ vốn từ mục 3.1 đến 3.11 biểu số 02)

m) Các công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: Sau khi được phê duyệt quyết toán số vốn còn thiếu sẽ được bố trí trong thời gian tiếp theo.

(Chi tiết theo biểu số 03)

n) Các công trình đề nghị trung ương hỗ trợ vốn (thực hiện khi được trung ương, hoặc địa phương bổ sung vốn).

(Chi tiết theo biểu số 04)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tô đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Trg).

PHÓ CHỦ TỊCH**Phạm Thị Minh Xuân**

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VỐN NSDP NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Nguồn vốn TW dự kiến giao năm 2021	Địa phương Dự kiến phân bổ năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B)	843.300	1.091.495	
A	VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO	843.300	813.900	
I	Vốn ngân sách địa phương	843.300	813.900	
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	530.200	530.200	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý sử dụng)	270.000	240.600	Đã giảm trừ trích lập quỹ phát triển đất 30%: 120.300 triệu đồng; chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất 10%: 40.100 triệu đồng.
	<i>Tổng số thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố:</i>		401.000	
	<i>Trong đó: - Trích lập quỹ phát triển đất 30%</i>		120.300	
	<i>- Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất 10%</i>		40.100	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	22.000	22.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	21.100	21.100	
B	NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN NS TỈNH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ		277.595	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +DBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
	TỔNG SỐ								1.091.495,00	530.200,00	22.000,00	240.600,00	21.100,00	277.595,00		
I	VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ								278.100,00	37.500,00		240.600,00				
I.1	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC (Năm 2021, các huyện, thành phố phân bổ làm đường thôn và đường nội đồng theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)								37.500,00	37.500,00						
1	Huyện Na Hang								5.100,00	5.100,00						
2	Huyện Lâm Bình								4.900,00	4.900,00						
3	Huyện Chiêm Hoá								6.400,00	6.400,00						
4	Huyện Hàm Yên								4.800,00	4.800,00						
5	Huyện Yên Sơn								6.400,00	6.400,00						
6	Huyện Sơn Dương								6.200,00	6.200,00						
7	Thành phố Tuyên Quang								3.700,00	3.700,00						
I.2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT								240.600,00			240.600,00				
1	Huyện Na Hang								3.540,00			3.540,00				
2	Huyện Lâm Bình								3.000,00			3.000,00				
3	Huyện Chiêm Hoá								10.560,00			10.560,00				
4	Huyện Hàm Yên								12.600,00			12.600,00				
5	Huyện Yên Sơn								21.900,00			21.900,00				
6	Huyện Sơn Dương								60.000,00			60.000,00				
7	Thành phố Tuyên Quang								129.000,00			129.000,00				
II	CHI TRẢ NỢ GÓC								7.483,00	7.483,00						
III	KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG (THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH)								50.000,00	20.000,00			30.000,00	Có kế hoạch phân bổ riêng		
IV	ĐỀ ÁN BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GTNT VÀ XÂY DỰNG CẦU TRÊN ĐƯỜNG GTNT GIAI ĐOẠN 2021-2025								91.000,00	30.000,00			61.000,00			
1	Cầu trên đường GTNT								70.000,00	30.000,00			40.000,00	Sơ Giao thông Vận tải (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Năm 2021, xây dựng 38 cầu	
2	Đường thôn và đường nội đồng								21.000,00				21.000,00	Các huyện, thành phố (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Tổng số: 58.500 trđ (Vốn NSDP: 21.000 trđ; Vốn chi XDCBTT trong nước phân cấp cho huyện, thành phố: 37.500 trđ)	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP			Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
V	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2020 CHƯA BỔ TRÍ ĐỦ VỐN			406.122,12	403.770,62	283.229,62	130.011,54	311.016,15	55.152,644	41.075,003	5.082,641			8.995,000	-	26 Công trình
V.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			183.421,59	182.923,59	165.165,61	130.011,54	142.339,23	10.170,101	8.575,003	1.595,098					17 Công trình
1	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá	2018-2020		3.434,52	3.434,52	3.335,56	3.300,00	3.100,00	200,014		200,014				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020		3.740,84	3.740,84	3.683,87	3.583,30	3.340,00	243,252		243,252				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2018-2020		3.100,00	3.100,00	3.100,00	2.936,45	3.100,00	160,232		160,232				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng trạm Y tế thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	2015-2016		4.474,73	4.474,73	4.027,73	3.993,49	3.704,43	289,058		289,058				UBND huyện Yên Sơn	
5	Xây dựng trạm Y tế xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	2018-2020		2.416,56	2.416,56	2.306,31	2.306,31	2.158,86	147,718		147,718				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Trường Mần Non, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017		3.784,98	3.784,98	3.608,17	3.513,59	3.200,00	313,594	313,594					UBND huyện Yên Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà khách cơ quan BCH Quân sự tỉnh	2015-2016		6.185,16	6.185,16	5.822,87	6.016,53	5.822,620	193,813	193,813					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
8	Xây dựng, cải tạo Trung tâm thực hành, thực nghiệm trường Đại học Tân Trào	2017-2019		11.276,16	11.276,16	10.720,06	10.720,06	10.448,00	272,056		272,056				Trường Đại học Tân Trào	
9	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi xã Trung Trục, huyện Yên Sơn (JICA SPLVI)	2009-2012		38.380,93	38.380,93	38.380,93	5.596,27	33.505,03	4.184,132	4.184,132					UBND huyện Yên Sơn	
10	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Sơn Dương	2018-2019		9.168,79	9.168,79	8.594,04	8.594,04	8.460,98	120,652		120,652				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
11	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình	2018-2019		10.370,54	10.370,54	9.824,19	9.824,19	9.733,74	90,447		90,447				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
12	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Hàm Yên			20.500,00	20.500,00	17.234,34	17.234,34	17.264,80	71,669		71,669				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
13	Xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá			15.703,70	15.703,70	15.703,70	15.569,92	5.447,74	923,438	923,438					UBND huyện Chiêm Hóa	
14	Dự án cải tạo nút giao thông Km5 Quốc lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)	2011-2014		31.093,00	30.595,00	25.856,30	17.694,12	17.206,77	487,348	487,348					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
15	Đường giao thông cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên			6.161,401	6.161,401		6.161,401	5.091,263	260,138	260,138					UND huyện Hàm Yên	
16	Xây dựng đường giao thông nội bộ và kê chống sạt lở trụ sở UBND tỉnh	2019-2020		10.000,000	10.000,000	9.530,51	9.530,51	9.500,000	30,507	30,507					Văn phòng UBND tỉnh	
17	Đường vào khu động tiên (đoạn I+II, tuyến đường từ Km54-QL2 đến động Âm Phủ) thuộc dự án ĐTXD công trình HTKT Khu di tích Quốc gia thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			3.630,278	3.630,278	3.437,03	3.437,033	1.255,000	2.182,033	2.182,033					UBND huyện Hàm Yên	
V.2	Công trình chưa phê duyệt quyết toán			222.700,54	220.847,03	118.064,02		168.676,92	14.982,543	2.500,00	3.487,543			8.995,00		08 Công trình
1	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Chiêm Hóa	2018-2020		25.961,00	25.961,00	24.981,02		23.364,00	1.316,596		1.316,596				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Na Hang	2018-2020		14.058,00	14.058,00	12.939,50		12.014,81	924,691		924,691				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trung thầu xây lắp + CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
3	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Yên Sơn	2018-2020		30.547,80	30.547,80	26.802,75		25.556,49	1.246,256		1.246,256			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiền Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49.997,26	49.997,26			46.302,62	3.695,00				3.695,00	Sở Tài chính	
5	Cải tạo nhà khoa nội bảo vệ sức khỏe A10 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	2020		1.490,13	1.490,13			700,00	600,00				600,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	
6	Sửa chữa nhà điều trị bệnh nhân Khối ngoại, Khối nội, Phụ sản và các chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh	2020		2.600,00	2.600,00			1.600,00	1.000,00				1.000,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	
7	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2016-2019		83.049,00	81.195,50	53.340,75		50.000,00	2.500,00	2.500,00				BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	
8	Đường từ Quốc lộ 2 vào Trụ sở làm việc của Huyện ủy và UBND huyện Hàm Yên			14.997,35	14.997,35			9.139,00	3.700,00				3.700,00	UBND huyện Hàm Yên	
V.3	Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa bố trí đủ vốn thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang theo QĐ số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007								30.000,00	30.000,00					Chi tiết có Kế hoạch phân bổ riêng
VI	CÔNG TRÌNH BỐ TRÍ VỐN ĐỂ HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			308.483,96	215.458,88	198.209,30		135.688,10	10.000,00	10.000,00					02 Công trình
1	Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ			295.126,55	202.101,46	198.209,30		135.688,10	5.000,00	5.000,00				UBND-TPTQ	
2	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA đi thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2020-2021		13.357,41	13.357,41				5.000,00	5.000,00				UBND huyện Na Hang	
VII	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP			3.374.583,43	1.741.312,86	436.783,54		1.175.577,97	324.000,00	225.800,00	500,00		97.700,00		39 Công trình
VII.1	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2021			396.609,55	360.955,79	148.436,06		208.910,87	95.300,00	68.300,00	500,00		26.500,00		19 Công trình
(1)	Giáo dục đào tạo, việc làm, dạy nghề			93.747,00	80.000,00	67.957,20		67.246,31	5.000,00	5.000,00					02 Công trình
1	Sân nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000,00	80.000,00	67.957,20		67.246,31	5.000,00	5.000,00				Trường Đại học Tân Trào	
2	Nhà lớp học các trường Mầm non, trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sử dụng nguồn dự phòng 10% vốn TPCP giai đoạn 2017-2020	2020-2021		13.747,00	13.747,00			11.500,00						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Nguồn dự phòng 10% vốn TPCP giai đoạn 2017-2020
(2)	Y tế			3.464,07	3.464,07			2.670,00	500,00		500,00				
1	Xây dựng trạm Y tế xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021		3.464,07	3.464,07			2.670,00	500,00		500,00			UBND huyện Sơn Dương	
(3)	Văn hóa - Xã hội - Du lịch			54.473,78	54.473,78			27.752,00	16.500,00	10.000,00			6.500,00		04 Công trình
1	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2019-2021		31.552,00	31.552,00			26.552,00	5.300,00				5.300,00	Sở Tài Chính	Nguồn vốn của Bộ Tài chính hỗ trợ; Vốn hỗ trợ của các DN thuộc Bộ Tài chính, vốn đóng góp của cán bộ công chức, người lao động
2	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA đi thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2020-2021		13.357,41	13.357,41				5.000,00	5.000,00				UBND huyện Na Hang	Vốn NS tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Xây dựng biển giáp ranh các tỉnh Vĩnh Phúc và Hà Giang	2020-2021		2.499,57	2.499,57			1.200,00	1.200,00				1.200,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Vốn NS tỉnh
4	Dự án Đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		7.064,80	7.064,80				5.000,00	5.000,00				UBND huyện Yên Sơn	Vốn NS tỉnh

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
(4)	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			69.113,80	69.113,80	44.863,55		29.784,50	15.000,00	15.000,00					02 Công trình
1	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương;	2020-2021		14.900,00	14.900,00	14.900,00		700,045	5.000,00	5.000,00					Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang	2016-2020		54.213,80	54.213,80	29.963,55		29.084,46	10.000,00	10.000,00					UBND - TPTQ
(5)	Giao thông			84.940,03	63.033,27			42.897,09	24.000,00	4.000,00				20.000,00	02 Công trình
1	Nâng cấp đường ĐH đoạn từ thôn Sài Lĩnh đến thôn Lãng cư xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021		19.544,10	19.544,10			12.709,09	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Sơn Dương
2	Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình	2018-2020		65.395,93	43.489,16			30.188,00	20.000,00					20.000,00	Sở Giao thông Vận tải
(6)	Quản lý Nhà nước			41.998,18	41.998,18			20.660,97	17.300,00	17.300,00					07 Công trình
1	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		8.600,00	8.600,00			2.030,97	5.000,00	5.000,00					UBMT Tổ quốc tỉnh Vốn ngân sách tỉnh
2	Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy.	2020-2021		5.036,85	5.036,85			2.500,00	2.000,00	2.000,00					Văn phòng Tỉnh ủy
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm Yên Sơn	2020-2021		5.781,19	5.781,19			2.700,00	2.300,00	2.300,00					Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn Vốn ngân sách tỉnh
4	Trụ sở UBND xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		5.766,34	5.766,34			3.580,00	2.000,00	2.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
5	Trụ sở UBND xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		6.343,55	6.343,55			3.050,00	3.000,00	3.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
6	Trụ sở UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2020-2021		4.981,66	4.981,66			3.050,00	1.500,00	1.500,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
7	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		5.488,58	5.488,58			3.750,00	1.500,00	1.500,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
(7)	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2020 tầm nhìn đến năm 2050			48.872,69	48.872,69	35.615,32		17.900,00	17.000,00	17.000,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư
VII.2	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH SAU NĂM 2021			2.977.973,88	1.380.357,07	288.347,48		966.667,10	228.700,000	157.500,00				71.200,000	20 Công trình
(1)	Giáo dục đào tạo, việc làm, dạy nghề			8.341,90	8.341,90			2.000,00	4.000,00	4.000,00					01 Công trình
1	Xây công trình Trường PTDTNT ATK Sơn Dương - giai đoạn 2	2020-2022		8.341,90	8.341,90			2.000,00	4.000,00	4.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
(2)	Quản lý Nhà nước			11.824,25	11.824,25			3.000,00	2.000,00	2.000,00					01 Công trình
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	2020-2022		11.824,25	11.824,25			3.000,00	2.000,00	2.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang Số vốn còn thiếu đề nghị UBND thành phố bố trí từ nguồn vốn phân cấp (thu tiền sử dụng đất, chi XDCBTT)
(3)	Phát thanh truyền hình			87.148,94	87.148,94			12.400,00	20.000,00	20.000,00					01 Công trình
1	Dự án Nhà làm việc, trung tâm kỹ thuật và nhà studio của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	2020-2024		87.148,94	87.148,94			12.400,00	20.000,00	20.000,00					Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD/CB# + ĐBG/PMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
(4)	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			186.105,73	126.941,21			48.750,00	25.000,00	25.000,00					03 Công trình
1	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		36.924,41				2.750,00	10.000,00	10.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ
2	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng sản xuất chè tập trung, an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyên Quang			105.000,00	82.759,90			31.000,00	5.000,00	5.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ
3	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm sạt lở, sụt lún đất thôn Nà Đứa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022		44.181,32	44.181,32			15.000,00	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Na Hang
(5)	Công nghiệp			950.096,56	339.834,78	87.718,06		222.693,36	2.000,00	2.000,00					01 Công trình
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020			950.096,56	339.834,78	87.718,06		222.693,36	2.000,00	2.000,00					Sở Công Thương
(6)	Giao thông			634.737,37	624.322,25	152.356,12		287.616,09	101.200,000	60.000,00				41.200,000	08 Công trình
1	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023		155.044,10	155.044,10	152.356,12		97.600,00	20.000,00	15.000,00				5.000,00	Sở Giao thông Vận tải
2	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2016-2020		323.692,01	323.692,01			115.718,35	20.000,00	20.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu Di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc và khu trung tâm xã Bình nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		14.952,00	14.952,00			8.400,00	6.200,00					6.200,00	Sở Tài chính
4	Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		14.726,99	14.726,99			8.400,00	6.000,00					6.000,00	Sở Tài chính
5	Cầu Chinh, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		38.747,13	32.225,18			13.500,00	24.000,000					24.000,00	Sở Tài chính
6	Xây dựng cầu Bàn Khiển, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình	2020-2022		24.755,03	20.861,87			10.700,00	8.000,00	8.000,00					UBND huyện Lâm Bình
7	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối và cầu vượt suối tại thôn Bàn Khiển, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình	2020-2021		31.339,00	31.339,00			30.000,00							UBND huyện Lâm Bình
8	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2020-2022		31.481,10	31.481,10			3.297,74	17.000,00	17.000,00					Văn phòng Tỉnh ủy
(7)	Văn hóa - xã hội - Du lịch			180.769,43	133.965,65			76.700,00	60.000,00	30.000,00				30.000,00	01 Công trình
1	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	2020-2024		180.769,43	133.965,65			76.700,00	60.000,00	30.000,00				30.000,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
(8)	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA			918.949,70	47.978,09	48.273,30		313.507,64	14.500,00	14.500,00					04 Công trình
1	Chương trình mở rộng quy mô VS&NS nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		253.373,00				148.345,23	3.000,00	3.000,00					TT nước sạch và VSMT; Sở Giáo dục và Đào tạo; TT Y tế dự phòng tỉnh....
2	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	2019-2023		413.916,70				15.647,00	10.000,00	10.000,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	2019-2025						3.639,00	1.000,00	1.000,00					Sở Y tế

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
4	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022		251.660,00	47.978,09	48.273,30		145.876,41	500,00	500,00				BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
	- Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			47.978,09	47.978,09	48.273,30									
	- Tiêu dự án 2: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước tại các huyện, gồm 13 công trình			203.682,00											
VIII	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021			1.892.000,34				700,00	251.459,356	157.341,997	14.217,359		79.900,00		52 Công trình
VIII.1	Giao thông			736.709,64				700,00	106.900,000	39.000,00			67.900,00		12 Công trình
1	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.	2021-2023		44.980,00				600,00	10.000,00	10.000,00				UBND huyện Na Hang	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 5.100 trđ; Vốn NS tỉnh 2021-2025: 39.880 trđ
2	Xây dựng Bến thủy và đường Nà Ráo ra bến thủy thuộc địa phận bản Phùng, xã Xuân Tiến (cũ) nay là xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2021-2025		144.000,00					5.000,00	5.000,00				UBND huyện Lâm Bình	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Đường giao thông nông thôn vào vùng sản xuất nông nghiệp tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2022		14.970,00					5.000,00	5.000,00				UBND huyện Na Hang	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nê đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024		95.000,00				100,00	2.000,00	2.000,00				UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khâm, xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2023		29.400,00					20.400,00				20.400,00	Sở Tài chính	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sở Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	2021-2023		18.200,00					12.500,00				12.500,00	Sở Tài chính	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
7	Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bản Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024		238.300,00					30.000,00				30.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
8	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	2021-2022		14.000,00					5.000,00	5.000,00				UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
9	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2022		13.000,00					5.000,00	5.000,00				UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
10	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2022		8.000,00					4.000,00	4.000,00				UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
11	Xây dựng cầu Trắng 2 qua sông phó đáy, đi khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		44.889,64					3.000,000	3.000,00				BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
12	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		71.970,00					5.000,00				5.000,00	Sở Tài chính	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.2	Nông nghiệp, thủy lợi			93.000,00					7.000,00	7.000,00					02 Công trình
1	Xây dựng hồ thủy lợi Nà Thôm, Xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2021-2022		13.000,00					5.000,00	5.000,00				UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2021-2022		80.000,00					2.000,00	2.000,00				UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.3	Quản lý Nhà nước			840.853,00					86.341,997	76.341,997			10.000,00		31 Công trình

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP			Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư
1	Trụ sở làm việc của Huyện ủy và khối dân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		50.981,00					10.000,00	5.000,00				5.000,00	VP Huyện ủy Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2021-2023		34.912,00					5.000,00	5.000,00					Báo Tuyên Quang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		20.000,00					5.000,00					5.000,00	Văn phòng UBND tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Trụ sở UBND Phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang	2021-2023		19.440,00					2.000,00	2.000,00					UBND TP Tuyên Quang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Trụ sở UBND xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Trụ sở UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.920,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
7	Trụ sở UBND xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
8	Trụ sở UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
9	Trụ sở UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
10	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
11	Trụ sở UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
12	Trụ sở UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
13	Trụ sở UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
14	Trụ sở UBND xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
15	Trụ sở UBND xã Lực Hành, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
16	Trụ sở UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.980,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
17	Trụ sở UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.600,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
18	Trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023		8.800,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
19	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		8.800,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
20	Trụ sở UBND xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		8.800,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
21	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023		11.800,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
22	Trụ sở UBND xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	2021-2023		12.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
23	Trụ sở UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2021-2023		12.000,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
24	Trụ sở UBND xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		10.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
25	Trụ sở UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		10.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
26	Trụ sở UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		10.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
27	Trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		12.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP			Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
28	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		10.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
29	Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
30	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		10.500,00					2.000,00	2.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
31	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc liên cơ quan	2021-2024		414.820,00					12.341,997	12.341,997					Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.4	Giáo dục - Đào tạo			64.311,22					23.217,359	7.000,00	14.217,359			2.000,00		03 Công trình
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang	2021-2023		13.021,22					7.100,00		7.100,00				Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023		22.000,00					8.117,359	3.000,00	3.117,359			2.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng nhà lớp học và lớp học bộ môn; nhà ở, nhà bếp ăn cho học sinh bán trú; phòng chức năng khu hiệu bộ; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trung Sơn, huyện Yên Sơn.	2021-2023		29.290,00					8.000,00	4.000,00	4.000,00				Sở Giáo dục và đào tạo	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.5	Công nghệ thông tin			21.019,00					8.000,00	8.000,00						02 Công trình
1	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025	2021-2023		11.719,00					5.000,00	5.000,00					Sở Thông tin và truyền thông	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh tuyên quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 – 2025.	2021-2023		9.300,00					3.000,00	3.000,00					Sở Thông tin và truyền thông	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.6	ĐTXD công trình thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Công An tỉnh			136.107,49					20.000,00	20.000,00						02 Công trình
(1)	Công trình thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh			39.823,64					10.000,00	10.000,00						
1	Đầu tư xây dựng Nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh			39.823,64					10.000,00	10.000,00					Bộ CHQS tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
(2)	Công trình thuộc Công an tỉnh			96.283,85					10.000,00	10.000,00						
1	Đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tại địa điểm mới			96.283,85					10.000,00	10.000,00					Công an tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
IX	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			190.209,00				2.600,00	1.000,00	1.000,00						42 Công trình
(1)	Quản lý Nhà nước							100,00								
1	Xây dựng trụ sở nhà làm việc trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông														Sở Thông tin và truyền thông	
2	Xây dựng Nhà làm việc của Sở Tư Pháp														Sở Tư pháp	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kho thuộc phòng Hậu cần, Công an tỉnh Tuyên Quang							50,00							Công an tỉnh	Ngân sách tỉnh hỗ trợ
4	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang														Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Cải tạo, nâng cấp bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Tên cũ: Trạm y tế quân dân y kết hợp)							50,00							Bộ CHQS tỉnh	Hỗ trợ ĐTXD từ ngân sách địa phương
(2)	Giao thông							450,00	550,00	550,00						

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XD/CB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
1	Đường từ đường Quốc lộ 2 vào xóm 18, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn													UBND huyện Yên Sơn	
2	Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang													UBND - TPTQ	
3	Đường từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình													Sở Giao thông Vận tải	
4	Dự án cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang							400,00						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
5	Xây dựng cầu Minh Xuân - Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang													BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
6	Đường từ Tát Ngà xã Phúc Yên đến Bến Thủy tại khu vực Nà Năm, xã Thụy Loa (cũ), huyện Lâm Bình							50,00						UBND huyện Lâm Bình	
7	Xây dựng đường từ trung tâm thành phố đến Km 31 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)													Sở Giao thông Vận tải	
8	Đầu tư xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Km14QL2 Tuyên Quang - Hà Giang)								500,00	500,00				BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
9	Cải tạo nâng cấp tuyến đường ĐH 06 xã Chi Thiết - Phúc Lương, huyện Sơn Dương								50,00	50,00				UBND huyện Sơn Dương	
(3)	Y tế							50,00							
1	Dự án cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(4)	Giáo dục đào tạo, việc làm và dạy nghề							250,00	50,00	50,00					
1	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo													Sở Giáo dục và đào tạo	
2	Xây dựng trường điểm liên cấp II, III khu vực các huyện Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Chiêm Hóa							50,00						UBND huyện Chiêm Hóa	Dự kiến sử dụng vốn NSTW
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Dự kiến sử dụng vốn NSTW + NSDP
4	Cải tạo, nâng cấp trường chính trị tỉnh Tuyên Quang							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
5	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Lâm Bình							50,00						UBND huyện Lâm Bình	
6	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Na Hang							50,00						UBND huyện Na Hang	
7	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Sơn								50,00	50,00				UBND huyện Yên Sơn	
(5)	Văn hóa - Xã hội							450,00							
1	Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2)							100,00						Sở Xây dựng	
2	Xây dựng Trung tâm Chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng và người cao tuổi tỉnh Tuyên Quang													Sở Lao Động - Thương Binh và Xã hội	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2020	KẾ HOẠCH 2021 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:					
										Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP		
3	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.													Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh Tuyên Quang.													Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
5	Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang							200,00						Sở Xây dựng	
6	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2)													UBND huyện Sơn Dương	
7	Xây dựng hệ thống thoát nước khu trung tâm huyện Yên Sơn đạt đô thị loại IV.							100,00						UBND huyện Yên Sơn	
8	Dự án đầu tư mở rộng nâng cấp cơ sở vật chất trung tâm công tác xã hội tỉnh Tuyên Quang.							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(6)	Phát thanh truyền hình								100,00	100,00					
1	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang								100,00	100,00				Đài PTTH tỉnh	
(7)	Nông lâm nghiệp, thủy lợi			85.000,00				1.300,00							
1	Dự án kè chống sạt lở Bờ sông Phó Đáy xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Kè chống sạt lở bờ suối xã Côn Lôn, huyện Na Hang							100,00						UBND huyện Na Hang	
3	Dự án kè chống sạt lở bờ suối Hè, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Kè bờ suối thôn Nậm Đíp, Làng Chùa, Nà Khả, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình							50,00						UBND huyện Lâm Bình	
5	Kè bảo vệ tuyến đê An Khang - Thái Long, thành phố Tuyên Quang							50,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Dự án xây dựng trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang			85.000,00				1.000,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
(8)	Các dự án sử dụng vốn ODA			105.209,00					300,00	300,00					
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên, huyện Sơn Dương													BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungrari
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai			105.209,00										Sở TN&MT	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang (Quốc lộ 2 đoạn tránh thành phố Tuyên Quang) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm, TPTQ								100,00	100,00				Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của Quỹ phát triển Á-rập Xê-út
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang								100,00	100,00				Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Sử dụng vốn vay ODA của Nhật Bản (JICA)
5	Dự án "Phát triển CSHT thủy lợi nhỏ bao gồm cả cấp nước sinh hoạt và lồng ghép với hoạt động sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc thích ứng với biến đổi khí hậu" tỉnh Tuyên Quang.								100,00	100,00				Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của ngân hàng thế giới WB
X	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI								2.200,00		2.200,00				Có kế hoạch phân bổ riêng
XI	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								21.100,00				21.100,00		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2021
CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG			4.639.893,45	4.384.595,25	3.844.221,55	638.260,71	3.892.073,02		
I.1	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			585.583,18	581.877,71	500.203,00	299.698,77	547.355,83		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên	2009-2011	150 Ha	14.992,71	14.992,71	14.873,00		14.407,00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
2	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyên Quang (TPTQ)	2008-2014		385.624,47	381.937,00	378.431,00	299.698,77	376.524,63	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn TPCP (Đang quyết toán các hạng mục)
3	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang	2012-2015		49.966,00	49.966,00	48.899,00		48.424,20	Chi cục phát triển nông thôn	Dự án xin vốn NSTW
4	Dự án ĐTXD Xử lý khẩn cấp các vị trí sạt lở, xung yếu và gia cố mặt đê kết hợp đường giao thông xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2019		20.000,00	20.000,00			20.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (QĐ số 1725/QĐ-TTg ngày 11/12/2018)
5	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên	2016-2020		85.000,00	84.982,00	58.000,00		58.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
6	Các công trình khắc phục hậu quả thiên tai theo QĐ số 1847/QĐ-TTg ngày 19/12/2019	2019-2020		30.000,00	30.000,00			30.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
I.2	Giao thông :			2.091.901,75	1.873.832,26	1.646.589,39	77.081,43	1.689.962,11		
1	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới);	2011-2017		70.005,00	70.005,00	67.501,00		58.501,30	UBND huyện Yên Sơn	
2	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31			85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
3	Đường Kiên Đài - Khuôn Miêng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miêng - thôn Nà Pó)	2018-2022		81.079,09	74.534,76	65.654,23		62.215,39	BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	
4	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.035m	130.274,90	100.919,515	94.721,766		94.190,00	UBND huyện Lâm Bình	
5	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào, từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua dốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ công thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)	2011-2015	L=3,7km	279.085,65	129.962,27	126.962,27		124.819,67	UBND - TPTQ	
6	Dự án xây dựng cầu Tình Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2017-2020		852.219,54	822.284,00	760.361,88		766.977,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP + NSDP
7	Xây dựng công trình Bến thủy Bán Lãm, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang,			4.705,43	4.705,43			4.472,00	UBND huyện Na Hang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB + ĐBGPM B	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
8	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056,38	8.056,38	7.826,05		7.300,00	UBND huyện Yên Sơn	
9	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng âm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341,13	159.341,13	154.280,00		152.000,00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
10	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2015-2016	L=4km	14.105,81	14.105,81	13.451,40		13.866,37	UBND huyện Hàm Yên	
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320,70	39.209,84	39.209,84		39.181,00	UBND thành phố Tuyên Quang	
12	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967,22	18.967,22	14.967,22		14.200,00	UBND huyện Yên Sơn	
13	Công trình nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (Giai đoạn 1), huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	2013-2017		79.777,00	79.777,00	77.207,83	76.655,36	76.447,24	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
14	Nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (giai đoạn 2), huyện Lâm Bình			108.562,00	108.562,00	101.871,00		93.309,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
15	Công trình cầu Bắc Mục, huyện Hàm Yên	2010-2011		25.900,00	25.900,00	17.396,30	426,08	200,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020		113.899,60	113.899,60	105.178,62		97.000,00	UBND huyện Lâm Bình	
I.3	Văn hóa - xã hội :			880.115,97	856.319,17	785.089,47	234.680,51	775.286,47		
1	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940,28	24.940,28	24.720,00		21.992,05	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	
2	Quảng trường, Cụm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang; Tr. đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất thành	2012-2016		293.470,54	291.990,77	271.092,30	234.680,51	274.085,26	Sở Xây Dựng	Đang quyết toán các hạng mục
3	ĐTXD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang	2016-2020		100.000,00	92.421,73	90.420,73		70.000,00	UBND huyện Na Hang	
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh, thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang.							300,00	Ban chấp hành Đoàn tỉnh Tuyên Quang.	
5	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.								Bảo Tàng tỉnh	
6	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn (nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang)			19.183,20	19.183,20			17.547,00	UBND huyện Yên Sơn	Tạm ứng từ QPTĐ: 7.030,525 trđ; Tạm ứng KP của nhà đầu tư: 6.585,473 trđ
7	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2008-2011		82.358,55	82.358,55	81.458,55		79.772,70	VP Tỉnh uỷ	
8	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998,08	14.998,08	14.987,73		14.225,30	Văn phòng Tỉnh uỷ	
9	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711,53	7.711,53	7.677,15		7.354,16	UBND huyện Yên Sơn	
10	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			31.638,83	31.638,83	28.475,00		27.137,00	UBND huyện Hàm Yên	
11	ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		86.350,00	86.350,00	78.620,00		78.000,00	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	CTMT Phát triển Hạ tầng Du lịch

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
12	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065,30	8.065,30	8.065,30		7.445,00	BQL các Khu du lịch tỉnh	
13	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Thàng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015		32.016,00	32.016,00	27.000,00		28.900,00	UBND huyện Hàm Yên	
14	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mỏ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383,66	9.383,66	9.044,70		5.000,00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 trđ
15	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000,00	155.261,25	143.528,00		143.528,00	UBND huyện Na Hang	
	<i>Trong đó:</i>									
	- Hạng mục xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ cổng trường cấp 3 Na Hang đến BQL đô thị (cũ)					107.428,00	107.428,00	107.428,00		
	- Hạng mục công trình Quảng trường và Nhà văn hóa thể thao					47.833,25	36.100,000	36.100,00		
I.4	Y tế:			462.085,27	460.085,24	447.496,39	26.800,00	419.154,37		
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		2.478,24	2.478,24	2.360,23		2.320,13	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		3.723,00	3.723,00	3.723,00		3.350,00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.072,57	3.072,57	3.072,57		3.050,0	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2020-2021		4.134,01	4.134,01	4.134,01		2.236,53	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2018		4.367,54	4.367,54	4.324,00		4.132,17	UBND huyện Lâm Bình	
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2017-2018		3.500,12	3.500,12	3.335,42		2.959,00	UBND huyện Yên Sơn	
7	Xây dựng trạm Y tế xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2019-2020		3.393,52	3.393,52	3.232,07		3.100,00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
8	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898,85	268.898,82	268.898,82		268.890,00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
9	Cải tạo, sửa chữa nhà điều trị A3, nhà hành chính, nhà dược và một số hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang			3.585,27	3.585,27	3.557,66		1.750,00	Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	
10	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932,14	162.932,14	150.858,62	26.800,00	127.366,54	UBND huyện Lâm Bình	
I.5	Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:			450.100,72	445.403,43	333.562,00		304.388,07		
1	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	2008-2009		2.853,41	2.853,41	2.853,41		2.800,00	UBND huyện YS	
2	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2019-2021		19.950,00	19.950,00	19.340,64		15.900,00	UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB + ĐBGPM B	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
3	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2021		51.864,16	51.864,16	38.996,09		38.697,71	UBND huyện Hàm Yên	
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)	2016-2020		84.104,24	84.104,24				Công an tỉnh	
5	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2014-2015		5.065,48	5.065,48	5.013,19		4.707,54	UBND huyện Hàm Yên	
6	Trụ sở UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang	2016-2018		6.476,15	6.476,15	6.167,76		5.850,00	UBND-TPTQ	
7	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127,44	7.127,44	6.802,77		6.650,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
8	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn	2017-2020		5.730,16	5.730,16	5.468,90		5.177,00	UBND huyện Yên Sơn	
9	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178,67	2.178,67	2.178,67		2.100,00	VP Tỉnh ủy	
10	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811,85	14.811,85	11.900,54		11.866,90	VP Tỉnh ủy	
11	Trụ sở UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2018-2020		5.687,01	5.687,01	5.487,01		4.864,00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
12	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222,48	81.683,45	81.683,45		79.709,80	UBND huyện Yên Sơn	
13	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4.592,58	4.592,58	4.576,51		4.100,00	UBND huyện CH	
14	Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình (Nhà làm việc của HĐND và UBND huyện)			37.244,91	36.691,84	35.580,14		34.093,13	UBND huyện Lâm Bình	
15	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT & DL	2013-2015		14.992,47	14.992,47	13.410,00		14.172,00	Sở VH TT & DL	
16	Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020	2018-2021		46.251,00	43.000,00	43.000,00		30.000,00	Sở TT & TT	
17	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373,87	45.373,87	38.478,84		33.000,00	Sở KH và CN	
18	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ	2019-2020		3.980,697	3.980,697	3.791,140		2.700,00	BCH Quân sự tỉnh	
19	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Kim phú, huyện Yên Sơn			4.718,19	4.673,19	4.266,20		4.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Phân cấp cho UBND huyện Yên Sơn quản lý, sử dụng
20	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			4.875,95	4.566,76	4.566,76		4.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Phân cấp cho UBND huyện Yên Sơn quản lý, sử dụng
I.6	Giáo dục			141.283,89	138.254,76	131.281,29		127.103,79		
1	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211,64	50.182,52	48.376,73		48.250,18	UBND huyện Lâm Bình	
2	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019		28.733,18	28.733,18	26.531,03		25.840,377	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	2015-2016		7.983,70	7.983,70	7.751,16		7.295,80	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
4	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426,28	8.426,28	7.660,25		7.350,00	UBND huyện Na Hang	
5	Trường Tiểu học và THCS xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2018		18.160,00	18.160,00	17.691,48		16.050,00	UBND huyện Na Hang	
6	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn	2008-2011		8.186,47	8.186,47	6.967,64		6.150,00	UBND huyện Yên Sơn	
7	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang			9.382,62	9.382,62	9.103,01		9.167,43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
8	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục nhà ký túc xá học sinh, sinh viên)	2018-2022		7.200,00	7.200,00	7.200,00		7.000,00	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quan	CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động
1.7	Công trình sử dụng vốn ODA			12.533,29	12.533,29			12.533,00		
1	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn			12.533,29	12.533,29			12.533,00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn ODA chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (Vốn ADB)
1.8	Lập quy hoạch sử dụng đất các huyện, thành phố			16.289,39	16.289,39			16.289,39		
1	Quy hoạch sử dụng đất huyện lâm bình	2020		1.381,151	1.381,151			1.381,151	UBND huyện Lâm Bình	
2	Quy hoạch sử dụng đất huyện Na Hang	2020		1.361,312	1.361,312			1.361,312	UBND huyện Na Hang	
3	Quy hoạch sử dụng đất huyện Chiêm Hóa	2020		2.843,776	2.843,776			2.843,776	UBND huyện Chiêm Hóa	
4	Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên	2020		2.138,746	2.138,746			2.138,746	UBND huyện Hàm Yên	
5	Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Sơn	2020		2.734,753	2.734,753			2.734,753	UBND huyện Yên Sơn	
6	Quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương	2020		3.180,655	3.180,655			3.180,655	UBND huyện Sơn Dương	
7	Quy hoạch sử dụng đất thành phố Tuyên Quang	2020		2.648,996	2.648,996			2.648,996	UBND thành phố Tuyên Quang	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2021
CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + DBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2020	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
	CÁC DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN			1.269.018,22	1.114.968,11	762.830,58	97.653,10	608.383,10		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		80.000,00	32.552,00	32.522,00	31.749,46	31.749,46	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW
2	Dự án Tuyển đề tả Lô từ Vĩnh Lợi đến Lâm Xuyên (nay là xã Trường Sinh), huyện Sơn Dương			20.000,00	20.000,00			20.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn dự phòng NSTW
3	Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			297.701,34	297.701,34	270.637,58		231.130,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Dự án xin vốn NSTW
4	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn	2012-2014		250.200,0	250.200,0	111.055,00		107.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW
5	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2018		74.377,60	74.377,60	64.309,00		55.000,00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn của TW
6	Kè bờ sông Gâm đoạn qua thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	2009-2014	L=4000m	172.259,52	172.259,52	156.599,56		19.600,00	UBND huyện Chiêm Hoá	Dự án xin vốn của TW
7	DA nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm Tuyên Quang			61.372,00	61.372,00			10.000,00	Chi cục Kiểm Lâm	
8	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		65.338,00	65.338,00	45.000,05		45.000,00	Sở NN&PTNT	
9	Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLS ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương	2011-2014		99.375,35	99.157,52	41.290,56	41.290,56	41.290,56	UBND huyện Sơn Dương	Dự án xin vốn của TW
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2013-2015		49.730,66	12.557,55	12.557,55	12.557,55	12.557,55	UBND huyện Hàm Yên	Dự án xin vốn của TW
11	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khuổi Giáng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2013-2015		49.963,76	17.039,50	16.559,28		16.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Dự án xin vốn của TW
12	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700,00	12.413,09	12.300,00	12.055,54	19.055,54	Sở NN&PTNT	Dự án xin vốn của TW